

**Xy lanh kẹp loại song song**  
**HGPD-80-A-G2**  
Số bộ phận: 1132959

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                          | 80                                                            |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                         | 20 mm                                                         |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                        | 0.2 mm                                                        |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rừu, ay                  | 0.1 °                                                         |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                              | 0.02 mm                                                       |
| đối xứng quay                                       | 0.2 mm                                                        |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                            | 0.05 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                         | 2                                                             |
| Loại bộ truyền động                                 | khí nén                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                 | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                       | Song song                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                            | khí đóng                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Mặt phẳng nghiêng<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức              |
| Phát hiện vị trí                                    | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                    | 4 bar...8 bar                                                 |
| Áp suất vận hành khí chặn                           | 0 bar...0.5 bar                                               |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                      | 2 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)    | 379 ms                                                        |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)  | 240 ms                                                        |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài   | 2170 g                                                        |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364-B2-L                                                |
| Mức độ bảo vệ                                       | IP65                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | 5 °C...60 °C                                                  |
| Mô-men quán tính khối lượng                         | 319.95 kgcm <sup>2</sup>                                      |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh | 170 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh              | 130 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh              | 110 N m                                                       |

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng | 5 triệu lượt                                                                                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                            | 7484 g                                                                                                                            |
| Kiểu gắn                                        | với ren trong và vòng măng xông<br>với lỗ xuyên và vòng măng sông<br>với lỗ xuyên và chốt<br>với ren trong và chốt khớp<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén khí chặn                       | M5                                                                                                                                |
| Cổng nối khí nén                                | G1/4                                                                                                                              |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                                                                     |
| Vật liệu nắp che                                | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                         |
| Vật liệu vỏ                                     | Nhôm anot hóa                                                                                                                     |
| Hàm kẹp vật liệu                                | Thép cứng                                                                                                                         |